

3.2. Thực trạng phát triển y tế và chăm sóc sức khỏe

3.2.1. Một số kết quả đạt được

- Công tác khám, chữa bệnh: Chất lượng khám chữa bệnh được nâng cao, từ y tế cơ sở đến tuyến tỉnh. Số lần khám bệnh tuyến tỉnh, huyện đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch. Tổ chức tốt việc khám chữa bệnh cho người nghèo, trẻ em dưới 06 tuổi và các đối tượng, chính sách theo đúng quy định. Công suất sử dụng giường bệnh tăng, nhiều đơn vị có số giường thực kê lớn hơn số giường kế hoạch.

Các đơn vị trong ngành đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động khám, chữa bệnh và quản lý bệnh viện. Nhiều đề tài, sáng kiến được thực hiện, áp dụng có hiệu quả tại các cơ sở khám, chữa bệnh đã góp phần nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh phục vụ nhân dân. Thực hiện tốt việc kết hợp giữa y học cổ truyền và y học hiện đại trong chẩn đoán và điều trị người bệnh.

Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Các cơ sở y tế tư nhân đã tham gia hoạt động khám chữa bệnh và dịch vụ chăm sóc sức khỏe, có vai trò tích cực trong việc đưa dịch vụ y tế tới gần dân. Hoạt động của hệ thống hành nghề được tư nhân góp phần cung ứng thuốc thiết yếu có chất lượng, giá cả tương đối ổn định phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh. Tuy nhiên, công tác xã hội hoá chưa sâu rộng, chưa huy động đầy đủ khả năng đóng góp của nhân dân và các thành phần kinh tế trong xã hội.

- Công tác y tế dự phòng: Tình hình dịch bệnh được quản lý chặt chẽ, chủ động phát hiện sớm dịch bệnh nguy hiểm, khống chế kịp thời, đặc biệt là dịch bệnh COVID 19. Trong những năm qua không để xảy ra vụ dịch bệnh lớn, dịch bệnh nguy hiểm; một số vụ dịch nhỏ đã được phát hiện sớm và dập tắt kịp thời, không có tử vong trong vụ dịch, giảm số mắc và chết do bệnh truyền nhiễm.

Hàng năm, trên 98,2% trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ; Tiêm UV2+ cho Phụ nữ có thai đạt 98%; Tỷ lệ trẻ được bảo vệ phòng UVSS: đạt >97%. Năm 2020, tỷ lệ dân số tham gia BHYT đạt 89,1%; Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 10%. Tình trạng thiếu vi chất của cộng đồng được cải thiện, tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi từ 6-36 tháng được uống vitamin A liều cao đạt tỷ lệ trên 99,5%, các bà mẹ sau sinh đẻ trong vòng 01 tháng và trẻ em dưới 5 tuổi có nguy cơ thiếu vitamin A được bổ sung Vitamin A liều cao an toàn.

Chương trình phòng chống HIV/AIDS được triển khai thực hiện hiệu quả, có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp. Trong những năm gần đây, số người nhiễm mới HIV giảm, số chuyển từ HIV sang AIDS giảm và số tử vong do AIDS cũng giảm. Ngành y tế đã tổ chức nhiều đợt kiểm tra, giám sát hoạt động mô hình phòng, chống bệnh không lây nhiễm và rối loạn tâm thần tại các trạm y tế xã, đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao được chất lượng và số lượng quản lý bệnh nhân điều trị và đối tượng nguy cơ cao tăng huyết áp, đái tháo đường.

- Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm (ATTP): Công tác kiểm tra giám sát, tuyên truyền về ATTP được tổ chức thường xuyên trên địa bàn các huyện, thị xã và thành phố, đặc biệt ở những nơi tập trung đông dân cư. An toàn vệ sinh thực phẩm cơ bản được đảm bảo, không để xảy ra các vụ ngộ độc lớn. Ngành Y tế, Ngành

Nông nghiệp, Ngành Công thương đã xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát, hậu kiểm các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý theo từng tháng, từng quý, cả năm và các dịp trọng điểm.

Mạng lưới thực hiện công tác bảo đảm ATTP được duy trì và hoạt động hiệu quả: Các Trung tâm y tế đều có khoa An toàn VSTP, các trạm y tế xã đều có cán bộ chuyên trách ATTP. Công tác thẩm định, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với các cơ sở dịch vụ ăn uống được thực hiện có hiệu quả. Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện hàng năm, có trên 90% các cơ sở kinh doanh chế biến thực phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản và dân số, kế hoạch hóa gia đình (KHHGD): Triển khai có hiệu quả các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng như: tổ chức khám, điều trị phụ khoa cho phụ nữ; thực hiện các nội dung khám và quản lý thai sản; tăng cường thực hiện quản lý thai nghén, tiêm phòng uốn ván cho phụ nữ có thai, phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ và chăm sóc trẻ sơ sinh; các dịch vụ kỹ thuật KHHGD triển khai đạt hiệu quả, đảm bảo an toàn. Tỷ suất chết mẹ, tỷ suất chết sơ sinh, tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi và dưới 5 tuổi giảm và được duy trì ở mức thấp.

Nhận thức về công tác KHHGD trong nhân dân ngày càng được nâng lên, quan niệm của nhân dân về hôn nhân, sinh đẻ có kế hoạch đã có chuyển biến tích cực, mô hình gia đình ít con đã được đông đảo nhân dân hưởng ứng. Công tác dân số - KHHGD được chính quyền các cấp quan tâm chỉ đạo, xác định là một trong các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương. Tỷ lệ sinh hàng năm đều đạt so với chỉ tiêu, tỷ lệ giảm sinh luôn ở mức 0,12‰ - 0,8‰, . Số cặp vợ chồng áp dụng các biện pháp tránh thai hiện đại hàng năm ở mức cao, luôn đạt 78%-79%.

- Ứng dụng khoa học - công nghệ: Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành và giải quyết công việc khám chữa bệnh được thực hiện có hiệu quả như: 100% bệnh viện triển khai hiệu quả phần mềm quản lý công tác khám bệnh, chữa bệnh đảm bảo kết nối liên thông dữ liệu phục vụ thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế; Đẩy mạnh thanh toán điện tử và cung cấp dịch vụ công cấp độ 4; Áp dụng phần mềm kết nối với BHXH thanh quyết toán BHYT; Quản lý viện phí và thanh toán BHYT; Ứng dụng công nghệ thông tin trong chẩn đoán, khám, chữa bệnh từ xa; Phát triển phần mềm tiêm chủng mở rộng, phần mềm báo cáo dịch bệnh, giao ban trực tuyến ngành y tế, phần mềm quản lý thuốc chữa bệnh tại các bệnh viện, phần mềm quản lý nhà thuốc ngoài công lập...

- Nhân lực y tế: Đến năm 2020, ngành y tế Hà Nam có 2.853 cán bộ gồm 2.043 theo định biên nhà nước (bao gồm cả tuyến xã/phường/thị trấn), và 819 cán bộ thuộc 03 đơn vị tự chủ, trong đó: Bệnh viện đa khoa tỉnh: 670 người; Bệnh viện Y học cổ truyền: 86 người; Bệnh viện Mắt: 63 người.

Số bác sỹ trên vạn dân và dược sỹ trên vạn dân năm 2020 lần lượt đạt: 7,6 bác sỹ và 1,9 dược sỹ. Tỷ lệ trạm y tế xã/phường/thị trấn có bác sỹ hoạt động đạt 100%; 100% trạm y tế xã có hộ sinh hoặc y sỹ sản nhi; tỷ lệ xã đạt chỉ tiêu quốc gia về y tế xã đạt 100% (109/109 xã/phường/thị trấn).

- Công tác dược, chất lượng thuốc: Cung ứng thuốc đầy đủ, nhất là thuốc thiết yếu phục vụ kịp thời công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng bệnh, chữa bệnh; Việc sử dụng thuốc đảm bảo hợp lý và an toàn; Thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, giám sát chất lượng thuốc, mỹ phẩm tại các cơ sở khám chữa bệnh và các cơ sở kinh doanh dược; Tổ chức thanh, kiểm tra thường xuyên đảm bảo ổn định giá thuốc trên địa bàn tỉnh, không để xảy ra hiện tượng biến động lớn về giá thuốc ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân.

3.2.2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a). Một số tồn tại, hạn chế

- Công tác khám chữa bệnh tuy đã được nâng cao hơn về chất lượng, đa dạng về dịch vụ nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao của nhân dân.

- Chất lượng công tác dân số chưa bền vững, nhận thức của một bộ phận nhân dân về công tác KHHGD còn hạn chế; Tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh còn cao (113 trẻ trai/100 trẻ gái).

- Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường chưa được kiểm soát chặt chẽ, còn gây bức xúc trong xã hội.

- Công tác đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các cơ sở y tế còn chậm, chưa đáp ứng nhu cầu thực tế (dự án cải tạo, mở rộng bệnh viện đa khoa tỉnh)..

- Công tác xử lý chất thải rắn, nước thải y tế mặc dù đã được quan tâm đầu tư xây dựng xong vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế của công tác bảo vệ môi trường.

- Điều kiện giao lưu, hội nhập kinh tế đã ảnh hưởng rất lớn đến công tác quản lý thuốc, mỹ phẩm và phòng chống dịch bệnh.

b). Nguyên nhân

- Chính sách đãi ngộ, đào tạo, thu hút cán bộ y tế có trình độ cao chưa phù hợp, chưa phát huy được hiệu quả.

- Đời sống của cán bộ, viên chức ngành y tế còn gặp nhiều khó khăn; Năng lực quản lý, điều hành của một số cán bộ chủ chốt của một vài đơn vị còn hạn chế.

- Sự phát triển nhanh về giao thương, hội nhập quốc tế đã ảnh hưởng rất lớn đến quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, thuốc, mỹ phẩm và phòng chống dịch bệnh.

- Do nguồn lực có hạn nên công tác kiểm tra, giám sát đầu ra của sản phẩm mới chỉ thực hiện chủ yếu ở các khu trung tâm thị trấn, thành phố; các khu vực nông thôn thực hiện chưa hiệu quả.

2.2. Cơ sở hạ tầng y tế, chăm sóc sức khỏe

2.2.1. Mạng lưới cơ sở y tế

Đến năm 2020, ngành Y tế tỉnh Hà Nam có 22 đơn vị trực thuộc và 109 trạm y tế tuyến xã.

a). Cơ sở y tế công lập

(1). Tuyển tỉnh (15 đơn vị):

- Đơn vị Quản lý nhà nước (03 đơn vị): Sở Y tế tỉnh Hà Nam; Chi cục An toàn Vệ sinh thực phẩm; Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

- Khối khám chữa bệnh (07 đơn vị): Tổng số có 07 bệnh viện đa khoa và chuyên khoa tuyển tỉnh với 1.190 giường bệnh đạt 13,2 giường bệnh/vạn dân, bao gồm: Bệnh viện đa khoa tỉnh (550 giường bệnh); và các bệnh viện chuyên khoa (470 giường bệnh): Bệnh viện Sản – Nhi, Bệnh viện Tâm thần, Bệnh viện Y học cổ truyền, Bệnh viện Phong, Bệnh viện Mắt, Bệnh viện Lao và bệnh phổi.

- Khối các trung tâm (04 đơn vị): Trung tâm Kiểm soát bệnh tật; Trung tâm Giám định Y khoa; Trung tâm Pháp y; Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc – Mỹ phẩm – Thực phẩm và Trang thiết bị Y tế.

- Khối đào tạo (01 đơn vị): Trường Cao đẳng Y tế Hà Nam.

(2). Tuyển huyện (07 đơn vị):

- Trung tâm Y tế huyện Kim Bảng

- Trung tâm Y tế huyện Lý Nhân

- Trung tâm Y tế huyện Bình Lục

- Trung tâm Y tế huyện Thanh Liêm

- Trung tâm Y tế Thị xã Duy Tiên

- Trung tâm Y tế Thành phố Phủ Lý

- Bệnh viện Đa khoa khu vực Nam Lý

(3). Mạng lưới y tế xã/phường/thị trấn: 109 trạm y tế xã, phường, thị trấn.

b). Mạng lưới cơ sở y tế ngoài công lập

Hiện tại, toàn tỉnh có 292 cơ sở khám chữa bệnh ngoài công lập, trong đó có: 01 Bệnh viện Đa khoa (Quy mô 97 giường điều trị), 14 phòng khám đa khoa, 123 phòng khám chuyên khoa, 116 phòng khám y học cổ truyền, 40 cơ sở dịch vụ y tế.

Đối với ngành dược, toàn tỉnh có 20 công ty dược và chi nhánh, 39 nhà thuốc, 564 quầy thuốc và 109 tủ thuốc của Trạm y tế xã/phường.

c). Cơ sở y tế tuyến Trung ương

Trên địa bàn tỉnh năm 2020 có 02 cơ sở y tế tuyến trung ương, bao gồm:

- Bệnh viện Bạch Mai (Cơ sở 2 – Quy mô 200 GB) được đầu tư xây dựng từ năm 2015, hiện đã hoàn thành giai đoạn I và đưa vào sử dụng phòng khám để chữa bệnh cho nhân dân trong tỉnh và khu vực Nam Đồng bằng Sông Hồng (đã và đang

tạm dùng để điều trị bệnh nhân nhiễm COVID 19)

- Bệnh viện Hữu nghị Việt – Đức (Cơ sở 2) được đầu tư xây dựng từ năm 2015, hiện đang trong giai đoạn hoàn thành, dự kiến đưa vào sử dụng trong năm 2022.

d). Thực trạng trang thiết bị y tế

- Bệnh viện tuyến tỉnh: Bệnh viện đa khoa, các bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh hàng năm được đầu tư bổ sung các thiết bị y tế hiện đại để phục vụ công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân như: Máy chụp cộng hưởng từ, Máy chụp cắt lớp 16 lát cắt, trang thiết bị nội soi, siêu âm, máy xét nghiệm sinh hoá, trang bị thêm xe cứu thương hiện đại...

Tuy đã được đầu tư mua sắm một số trang thiết bị mới tương đối hiện đại phục vụ cho công tác khám chữa bệnh, nhưng so với chuẩn về trang thiết bị y tế (do Bộ Y tế ban hành năm 2002) thì các bệnh viện nói chung mới chỉ đáp ứng được 65% đến 75% số trang thiết bị theo danh mục quy định.

- Trung tâm Y tế tuyến tỉnh: Trang thiết bị của các đơn vị đa phần còn thiếu, mới chỉ đáp ứng được từ 60% đến 70% trang thiết bị, dụng cụ y tế theo quy định. Tại các đơn vị mới thành lập, tỷ lệ này chỉ đạt 40% đến 50%. Để giảm bớt khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn do thiếu trang thiết bị, dụng cụ y tế tại các đơn vị, một số đơn vị như: Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc-Mỹ phẩm-Thực phẩm đã được đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế; Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được đầu tư cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất để tiếp nhận trang thiết bị y tế.

- Trung tâm y tế huyện: Trong những năm qua, các bệnh viện tuyến huyện đều được đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và bổ sung trang thiết bị y tế từ các nguồn vốn ngân sách địa phương, nguồn vốn xã hội hóa. Các bệnh viện đã được trang bị một số thiết bị y tế hiện đại như: Máy siêu âm màu 4D, máy xét nghiệm huyết học-sinh hoá tự động, dụng cụ phẫu thuật, xe cứu thương... Hiện tại, trang thiết bị y tế của các bệnh viện đã đáp ứng 70% đến 75% so với tổng số trang thiết bị theo yêu cầu của Bộ Y tế để thực hiện các kỹ thuật phân tuyến.

- Trạm y tế xã, phường, thị trấn: Cùng với việc thực hiện "Chuẩn Quốc gia về y tế xã" và triển khai "Bộ Tiêu chí Quốc gia về y tế xã" tại 109 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh, việc mua sắm trang thiết bị y tế theo danh mục quy định của Bộ Y tế. Trong những năm qua, 100% trạm y tế xã/phường/thị trấn đã được đầu tư trang thiết bị từ dự hỗ trợ nâng cao năng lực ngành y tế và dự án hỗ trợ hệ thống y tế do Quỹ Toàn cầu phòng chống HIV/AIDS, Lao và Sốt rét tài trợ với 77 danh mục, cơ bản đáp ứng được về nhu cầu trang thiết bị y tế theo quy định của Bộ Y tế. Tuy nhiên so với yêu cầu của Bộ Tiêu chuẩn Quốc gia về Y tế xã (176 loại) mới đạt 80%. Tuy nhiên việc đầu tư bổ sung, sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ thiết bị y tế cần được tiếp tục thực hiện.

2.3. Phương án phát triển cơ sở hạ tầng y tế

2.3.1. Quan điểm, mục tiêu

a). Quan điểm

- Phát triển Hệ thống y tế (HTYT) Hà Nam theo hướng hiện đại và bền vững trong đó gắn y tế chuyên khoa, chuyên sâu với y tế phổ cập, kết hợp hài hoà giữa phòng bệnh với khám, chữa bệnh - phục hồi chức năng, giữa y học cổ truyền với y học hiện đại nhằm thực hiện chủ trương công bằng, hiệu quả và phát triển trong CSSKND; đảm bảo tính khả thi với mục tiêu trọng tâm là nâng cao sức khoẻ cộng đồng.

- Phát triển HTYT gắn liền với các cụm dân cư nhằm tạo cơ hội cho mọi người dân được bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ với chất lượng ngày càng cao.

- Phát triển HTYT theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các thành phần y tế cùng tham gia cung cấp dịch vụ CSSK trong đó y tế Nhà nước đóng vai trò chủ đạo.

- Phát triển HTYT Hà Nam phù hợp với điều kiện và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; với quy hoạch phát triển tổng thể Hệ thống Y tế Việt Nam trong mỗi thời kỳ; từng bước nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế nhằm đáp ứng các nhu cầu cơ bản về BV, CS&NCSKND trong toàn tỉnh. Phấn đấu trở thành tỉnh có các chỉ số dịch vụ y tế đạt ở mức trên trung bình trong khu vực.

b). Mục tiêu

(1). Mục tiêu chung:

Phát triển hệ thống Y tế tỉnh Hà Nam đến năm 2050 theo hướng công bằng, hiệu quả, phát triển và phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân. Giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật và tử vong, tăng tuổi thọ, nâng cao chất lượng dân số góp phần cải thiện chất lượng nguồn nhân lực phục vụ yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

(2). Mục tiêu cụ thể:

- Phát triển mạng lưới y tế dự phòng có đủ khả năng dự báo, giám sát, phát hiện và khống chế các dịch bệnh, nhằm giảm tỷ lệ mắc và tử vong do dịch bệnh gây ra.

- Phát triển mạng lưới lưới khám, chữa bệnh, đảm bảo cho mọi người dân tiếp cận một cách thuận lợi với các dịch vụ có chất lượng tại các cơ sở y tế bao gồm các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập. Các đơn vị y tế đảm bảo đáp ứng các dịch vụ y tế theo tuyến. Bảo đảm sự phát triển cân đối, hợp lý giữa các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa; phát triển hệ thống y học cổ truyền.

- Hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở.

- Phát triển mạng lưới lưu thông, phân phối và cung ứng thuốc; chủ động cung ứng thường xuyên, đủ thuốc có chất lượng, giá cả hợp lý và ổn định thị trường thuốc phòng bệnh và chữa bệnh cho nhân dân.

- Phát triển cơ sở hạ tầng đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng; bảo đảm trang thiết bị thiết yếu và từng bước đầu tư trang thiết bị hiện đại cho hệ thống y tế dự phòng, hệ thống khám chữa bệnh và phục hồi chức năng.

- Ổn định quy mô và nâng cao chất lượng dân số.

- Phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng nhằm từng bước khắc phục khó khăn về nhân lực cho các đơn vị y tế tuyến cơ sở. Ban hành các chính sách ưu đãi đặc biệt nhằm thu hút và giữ chân nhân lực y tế có chất lượng cao yên tâm công tác lâu dài tại địa phương.

- Phát triển lĩnh vực y tế - chăm sóc sức khỏe gắn với chương trình chuyển đổi số; ứng dụng khoa học - công nghệ, thông tin - truyền thông trong công tác y tế - chăm sóc sức khỏe trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

+ Chuyên đổi số trong công tác phòng chống dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân: Đến năm 2025: 100% người dân được định danh y tế; 80% người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử. 100% các trạm y tế triển khai phần mềm quản lý có đầy đủ các chức năng theo quy định của Bộ Y tế. 50% các trạm y tế xã triển khai nền tảng tư vấn khám chữa bệnh từ xa và đăng ký khám, chữa bệnh từ xa. Đến năm 2030, phần đầu 100% người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử, trên 70% các trạm y tế xã triển khai nền tảng tư vấn khám chữa bệnh từ xa và đăng ký khám, chữa bệnh từ xa.

+ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở khám, chữa bệnh: Đến năm 2025, 100% các cơ sở y tế triển khai thanh toán điện tử không dùng tiền mặt; 100% các bệnh viện triển khai nền tảng tư vấn khám chữa bệnh từ xa và đăng ký khám, chữa bệnh từ xa. 15% số bệnh viện trên toàn tỉnh chuyển đổi số thành công, triển khai bệnh án điện tử theo quy định tại Thông tư số 46/2018/TT- BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế quy định về hồ sơ bệnh án điện tử. Đến năm 2030, phần đầu 50% bệnh viện chuyển đổi số thành công, triển khai bệnh án điện tử.

+ Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động: Đến năm 2025, 90% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; 90% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước); 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Bộ Y tế, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính, kết quả đấu thầu, đấu giá, thông tin về giá và các thông tin khác theo quy định được công khai trên môi trường mạng. 100% cán bộ y tế (Bác sĩ, dược sĩ, cán bộ, công chức, viên chức ngành y được định danh; 100% cơ sở bán lẻ thuốc cập nhật cập nhật dữ liệu mua, bán thuốc trên phần mềm Quản lý và kết nối Cơ sở dữ liệu Dược quốc gia. Phần đầu đến năm 2030, 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; 100% hồ sơ công việc tại được xử lý trên môi trường mạng.

Bảng 1. Các chỉ tiêu định hướng về lĩnh vực y tế của Hà nam đến năm 2030 và 2050

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu đến năm 2030	Mục tiêu đến năm 2050
I	Về chuyên môn			
1	Tuổi thọ trung bình	Tuổi	76	78
2	Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên	%	0,8	0,7
3	Tỷ số giới tính khi sinh		dưới 109 bé trai/ 100 bé gái	107 bé trai/ 100 bé gái
4	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế	%	> 95% dân số	100% dân số
5	TL tiêm chủng mở rộng cho trẻ em < 1 tuổi	%	trên 98%	đạt 100%
6	Giảm Tỷ suất tử vong trẻ em: Dưới 5 tuổi	%	Dưới 5 tuổi còn <6,5‰; dưới 1 tuổi còn <4‰	Dưới 5 tuổi còn <6‰; dưới 1 tuổi còn <3,5‰.
7	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi	%	dưới 17%.	dưới 10%.
8	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn đạt phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm	%	95% dân số	100% dân số
9	Tỷ lệ giường bệnh/vạn dân	%	30 giường bệnh/vạn dân; Tỷ lệ giường bệnh tư nhân đạt 13%, tính cả giường bệnh và bác sỹ của các bệnh viện Trung ương trên địa bàn tỉnh	33 giường bệnh/vạn dân; Tỷ lệ giường bệnh tư nhân đạt 15%, tính cả giường bệnh và bác sỹ của các bệnh viện Trung ương trên địa bàn tỉnh
10	Phòng chống dịch		Giám sát, phòng chống dịch chủ động, không để dịch lớn, nguy hiểm xảy ra	Giám sát, phòng chống dịch chủ động, không để dịch lớn, nguy hiểm xảy ra
II	Về nhân lực			
1	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có bác sỹ	%	100%	100%
2	Tỷ lệ bác sỹ/vạn dân		11	13
3	Tỷ lệ được sỹ đại học/vạn dân		2	2,5

III	Về phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật		
1	Tuyển tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh; bổ sung trang thiết bị tiên tiến, hiện đại. - Xây dựng mới Bệnh viện Ung bướu tỉnh Hà Nam quy mô 150 giường bệnh. - Đầu tư xây dựng, nâng cấp Bệnh viện Lao quy mô 120 giường bệnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mới Bệnh viện Nội tiết tỉnh Hà Nam quy mô 150 giường bệnh. - Đầu tư xây dựng các bệnh viện mới thành lập theo quy hoạch của ngành.
		<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư xây dựng, nâng cấp Bệnh viện Tâm thần quy mô 120 giường bệnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư xây dựng, nâng cấp Trung tâm cấp cứu tuyển tỉnh
		<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư xây dựng, nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng quy mô 200 giường bệnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư xây dựng, nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng quy mô 250 giường bệnh.
		<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư xây dựng, nâng cấp Bệnh viện Mắt quy mô 100 giường bệnh. 	
		<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư xây dựng, nâng cấp Bệnh viện Sản – Nhi quy mô 350 giường bệnh 	
		<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư xây dựng, nâng cấp các Bệnh viện Đa khoa tuyển huyện: 	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư, nâng cấp các Bệnh viện đa khoa tuyển huyện, Phòng khám Đa khoa khu vực huyện.
2	Tuyển huyện	<ul style="list-style-type: none"> + BVĐK Thanh Liêm quy mô 120 giường bệnh. 	
		<ul style="list-style-type: none"> + BVĐK Kim Bảng quy mô 120 giường bệnh. 	
		<ul style="list-style-type: none"> + BVĐK Lý Nhân quy mô 150 giường bệnh. 	
		<ul style="list-style-type: none"> + BVĐK Bình Lục quy mô 120 giường bệnh. 	
		<ul style="list-style-type: none"> + BVĐK Duy Tiên quy mô 150 giường bệnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục duy trì hoạt động và đầu tư xây dựng, hoàn thiện các phòng khám đa khoa khu vực huyện.
			<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư xây dựng, nâng cấp Trung tâm cấp cứu tuyển tỉnh

Bệnh viện Trung tâm cấp cứu tuyển tỉnh

Đã giải

			<p>Quy hoạch và Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các Trung tâm Y tế tuyến huyện (trong điều kiện thực hiện chương án chia tách các Trung tâm Y tế tuyến huyện hiện nay theo mô hình Bệnh viện đa khoa huyện/TTYT tuyến huyện, để bảo đảm tăng cường đời mới cơ chế tự chủ về tài chính, nhân lực cho các đơn vị điều trị tuyến huyện).</p>	
			<p>- 100% số Trạm Y tế xã, phường được đầu tư xây dựng nâng cấp đạt chuẩn về cơ sở hạ tầng.</p>	<p>- 100% số Trạm Y tế xã, phường được đầu tư nâng cấp đạt chuẩn về cơ sở hạ tầng.</p>
			<p>- 100% số xã, phường, thị trấn đạt Tiêu chí Quốc gia về Y tế xã.</p>	<p>- Duy trì 100% số xã, phường, thị trấn đạt Tiêu chí Quốc gia về Y tế xã</p>
			<p>- 100% số xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện quản lý sức khỏe nhân dân bằng Hồ sơ sức khỏe điện tử theo mô hình bác sỹ gia đình.</p>	
			<p>- Xây mới 33 Trạm y tế xã/phường/thị trấn; Nâng cấp 54 Trạm y tế xã/phường/thị trấn</p>	
			<p>- Đầu tư TTB thiết yếu cho T.Y.T để tạo môi trường làm việc thuận lợi cho bác sĩ công tác tại trạm</p>	
			<p>* Xã hội hóa y tế, khuyến khích phát triển hệ thống y tế ngoài công lập</p>	
3	Tuyến xã			

3.2.2. Định hướng phát triển lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe

Giảm tỷ lệ mắc bệnh, tử vong và tàn tật; khống chế các bệnh truyền nhiễm, các bệnh gây dịch thường gặp và mới nổi, không để dịch lớn xảy ra; hạn chế, tiến tới kiểm soát các yếu tố nguy cơ của các bệnh không lây nhiễm, các bệnh liên quan đến môi trường, lối sống, hành vi, dinh dưỡng, bệnh học đường; triển khai hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia ngành y tế.

Tập trung phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng ở tất cả các tuyến; phát triển y tế phổ cập, bác sĩ gia đình, coi trọng chăm sóc sức khỏe ban đầu, bao phủ y tế toàn dân kết hợp với phát triển y tế chuyên sâu; tăng cường chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi, người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi; phát triển y tế ngoài công lập, tăng cường xã hội hóa tại các đơn vị công lập, tăng cường phối hợp công - tư; tăng cường kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trong chăm sóc sức khỏe.

Chú trọng phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng; tăng cường nhân lực y tế cho khu vực nông thôn và một số chuyên khoa; chú trọng phát triển nhân lực y tế có trình độ cao, phấn đấu tiến tới đạt cơ cấu hợp lý giữa bác sĩ và điều dưỡng, kỹ thuật viên... bảo đảm cân đối giữa đào tạo và sử dụng hiệu quả nhân lực y tế, coi trọng bồi dưỡng y đức.

Thực hiện các giải pháp giúp đảm bảo quy mô dân số ở mức ổn định, chủ động duy trì mức sinh hợp lý, khống chế tốc độ tăng tỷ số giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng dân số, đáp ứng đủ nhu cầu dịch vụ kế hoạch hóa gia đình của người dân, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ sức khỏe sinh sản có chất lượng, tăng cường lồng ghép các yếu tố về dân số vào hoạch định chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp, các ngành.

Tăng cường kiểm soát an toàn thực phẩm trong toàn bộ chuỗi cung cấp thực phẩm được thiết lập và phát huy hiệu quả; chủ động trong việc bảo vệ sức khỏe và quyền lợi người tiêu dùng, đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế...

Đẩy mạnh việc đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tự chủ tài chính trong ngành y tế, tham mưu tăng nhanh đầu tư công cho y tế, phát triển y tế toàn dân; sử dụng nguồn tài chính y tế hiệu quả để giảm tỷ lệ chi trực tiếp từ hộ gia đình cho chăm sóc sức khỏe, tăng thu nhập cho cán bộ, nhân viên y tế... Bảo đảm cung ứng đủ thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, máu, chế phẩm máu và trang thiết bị y tế có chất lượng với giá cả hợp lý đáp ứng nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh của nhân dân.

Tăng cường đầu tư xây dựng hạ tầng y tế, nhất là công trình y tế trọng yếu, tạo điều kiện để phát triển chuyên môn kỹ thuật chuyên sâu, kỹ thuật cao. Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả trong chăm sóc sức khỏe nhân dân và thực hiện các chương trình, mục tiêu y tế; phát triển đồng bộ hạ tầng công nghệ thông tin có tính thống nhất quy hoạch; đảm bảo tính kết nối dọc, kết nối ngang trong toàn ngành y tế. Nâng cao năng lực quản lý và năng lực thực hiện chính sách y tế, đẩy mạnh cải cách hành chính, phát triển hệ thống thông tin y tế đáp ứng nhu cầu

đổi mới và phát triển ngành y tế.

Đẩy mạnh công tác chuyên đổi số trong phát triển y tế, ứng dụng các thành tựu của khoa học công nghệ, thông tin truyền thông và các hoạt động nghiên cứu, khám chữa bệnh, y tế dự phòng và quản lý hành chính ngành y-dược. Tăng cường ngoại giao, hợp tác giữa các cơ sở y tế liên tỉnh, liên vùng và hợp tác quốc tế.

3.2.3. Danh mục dự án quan trọng, ưu tiên đầu tư

(a). Các danh mục đầu tư giai đoạn 2021-2025:

(1) Các dự án đầu tư cơ sở vật chất:

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh với quy mô 650 giường bệnh.

- Xây dựng mới Bệnh viện Ung bướu tỉnh Hà Nam quy mô 150 giường bệnh.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp Bệnh viện Lao quy mô 120 giường bệnh.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp Bệnh viện Tâm thần quy mô 120 giường bệnh.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền quy mô 200 giường bệnh.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp Bệnh viện Mắt quy mô 100 giường bệnh.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp Bệnh viện Sản – Nhi quy mô 350 giường bệnh.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp các Bệnh viện Đa khoa tuyến huyện:

+ BVĐK Thanh Liêm quy mô 120 giường bệnh.

+ BVĐK Kim Bảng quy mô 120 giường bệnh.

+ BVĐK Lý Nhân quy mô 150 giường bệnh.

+ BVĐK Bình Lục quy mô 120 giường bệnh.

+ BVĐK Duy Tiên quy mô 150 giường bệnh.

BV ĐK Chư Vực Nam Lý 100
quốc y Seat

(2) Các dự án mua sắm trang thiết bị: Hệ thống thiết bị xét nghiệm; Mua sắm trang thiết bị đảm bảo công tác chuyên môn cho Bệnh viện chuyên khoa; Đầu tư mua sắm trang thiết bị hệ thống dự phòng; Đầu tư mua sắm trang thiết bị hệ thống pháp y; Đầu tư mua sắm trang thiết bị hệ thống kiểm nghiệm.

(3) Mua sắm phương tiện cấp cứu, cứu thương và ô tô phòng chống dịch, bệnh: Đầu tư kinh phí mua sắm, bổ sung ô tô cứu thương cho các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện; mua sắm ô tô phòng chống dịch cho các đơn vị y tế dự phòng tuyến tỉnh, tuyến huyện.

(b). Các dự án đầu tư giai đoạn 2026-2030:

- Tiếp tục tập trung vốn đầu tư, hoàn thiện các dự án đầu tư chuyển tiếp giai đoạn 2021-2025.

- Bổ sung các dự án đầu tư đối với các đơn vị thành lập mới; đầu tư xây dựng, nâng cấp các Trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố.

Duy Tiên
y tế

- Mua sắm, bổ sung thiết bị y tế mới, tăng cường ứng dụng khoa học, kỹ thuật tiên tiến, hiện đại; tích cực mở rộng các dịch vụ kỹ thuật mới theo phân tuyến kỹ thuật của Bộ Y tế.

3.2.4. Đề xuất nhiệm vụ và giải pháp:

a. Nhóm giải pháp về hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý

Củng cố và kiện toàn tổ chức bộ máy và mạng lưới quản lý, đẩy mạnh công tác xây dựng, triển khai cải tiến chất lượng bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế xây dựng các kế hoạch, chương trình cải tiến và nâng cao chất lượng bệnh viện tập trung vào các tiêu chí ở mức 1, mức 2; đo lường và giám sát chặt chẽ việc thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế sơ kết, tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm công tác quản lý, cải tiến chất lượng các cơ sở khám, chữa bệnh.

b. Nhóm giải pháp về ứng dụng chuẩn chất lượng

Tích cực triển khai các hoạt động quản lý chất lượng theo Thông tư số 19 và các văn bản liên quan của Bộ Y tế; rà soát 83 tiêu chí chất lượng bệnh viện để nâng cao toàn diện các mặt hoạt động của từng bệnh viện, phấn đấu mỗi năm tăng 10% mức điểm, lưu ý cải tiến đồng bộ cả 05 phần, tập trung những phần còn ở mức điểm thấp.

c. Nhóm giải pháp về đào tạo, thu hút nguồn nhân lực

Đào tạo bổ sung hoàn thiện quản lý Nhà nước, quản lý các cơ sở khám chữa bệnh; chuyên môn, ngoại ngữ; tin học để đảm bảo theo khung năng lực quy định. Xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực hàng năm nhằm cập nhật và nâng cao kiến thức, kỹ năng tay nghề cho đội ngũ cán bộ y tế để nâng cao chất lượng KCB tại các đơn vị; xây dựng lộ trình đăng ký mã ngành đào tạo y khoa liên tục thuộc các lĩnh vực trong ngành y tế; Thực hiện công tác thu hút, tuyển dụng, đào tạo đội ngũ Bác sĩ, y sĩ, dược sĩ đủ theo đề án việc làm, theo các tiêu chuẩn quy định.

d. Nhóm giải pháp về nâng cao chất lượng chuyên môn

Tích cực triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật triển khai phương pháp mới, kỹ thuật mới, kỹ thuật chuyên sâu để nâng cao hiệu quả điều trị và chất lượng các cơ sở khám chữa bệnh; Xây dựng Kho dữ liệu quy trình, phác đồ điều trị của ngành y tế, thường xuyên cập nhật bổ sung từ Bộ Y tế và các đơn vị tuyến trung ương, tuyến tỉnh; Thiết lập chương trình và xây dựng các quy định cụ thể bảo đảm an toàn người bệnh và nhân viên y tế;

Thiết lập hệ thống thu thập, báo cáo sai sót chuyên môn, sự cố y khoa và quy trình đánh giá sai sót chuyên môn, sự cố y khoa theo Thông tư 43/2018/TT-BYT.

đ. Nhóm giải pháp về đầu tư trang thiết bị và dược

Để nâng cao chất lượng KCB, triển khai kỹ thuật mới, kỹ thuật chuyên sâu cần đầu tư mua sắm, bổ sung trang thiết bị y tế có chất lượng, hiện đại để phục vụ công tác chuyên môn; Tranh thủ sự hỗ trợ từ các dự án tài trợ phi chính phủ, các công ty cung ứng trang thiết bị, thuốc và vật tư tiêu hao để triển khai các hình thức hỗ trợ đặt máy móc thiết bị khi sử dụng sản phẩm; Tổ chức tốt hoạt động dược của bệnh viện theo quy chế, cung ứng đầy đủ thuốc, vật tư y tế cho hoạt động chuyên môn thông qua việc đấu thầu mua sắm theo quy định, tích cực thực hiện công tác theo dõi, báo cáo tác dụng có hại của thuốc, công tác dược lâm sàng.

e. Nhóm giải pháp về cải tạo cơ sở vật chất và điều kiện phục vụ khách hàng

Triển khai sửa chữa, cải tạo, nâng cấp xây mới cơ sở hạ tầng các bệnh viện, trung tâm y tế, ưu tiên các khu kỹ thuật, các khoa kiểm soát nhiễm khuẩn, dinh dưỡng tiết chế; Khẩn trương cải tạo đưa vào hoạt động hệ thống xử lý chất thải lỏng cho một số bệnh viện đã xuống cấp. Cải tạo hệ thống sân vườn, giao thông trong theo tiêu chuẩn chất lượng hiện hành. Đặc biệt chú ý đến vấn đề phòng ngừa trượt ngã và tăng khả năng tiếp cận cho đối tượng bệnh nhân là người khuyết tật

g. Nhóm giải pháp về quản lý kinh tế y tế và xã hội hóa

Để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của bệnh nhân, song song với việc thực hiện tốt việc quản lý kinh tế y tế, đầu tư cải tạo cơ sở vật chất và trang thiết bị từ nguồn ngân sách, các bệnh viện, các trung tâm y tế chủ trương huy động thêm các nguồn lực tài chính khác để triển khai các hoạt động xã hội hóa, nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, góp phần nâng cao đời sống cho CBVC.

h. Nhóm giải pháp về Công nghệ thông tin, Cải cách hành chính

Tích cực ứng dụng công tác cải cách hành chính vào hoạt động của các bệnh viện góp phần giảm các bước, các giấy tờ, thủ tục rườm rà, giảm thời gian chờ đợi của bệnh nhân và khách đến giao dịch hướng tới chuyển đổi số trong ngành y tế; Xây dựng bộ quy trình các hoạt động sự nghiệp tại các đơn vị để thống nhất và chuẩn hóa theo đề án cải cách thủ tục hành chính của tỉnh, của ngành ở tất cả các khâu như hành chính, kế toán, kế hoạch tổng hợp v.v...; Đầu tư các thiết bị phần cứng cho hệ thống công nghệ thông tin của Bệnh viện, trong đó đặc biệt là máy chủ và hệ thống mạng nội bộ đủ dung lượng, đảm bảo duy trì hoạt động 24/7. Đầu tư cải tiến hệ thống phần mềm quản lý bệnh viện với các tiện ích thông

minh, phục vụ công tác quản lý điều hành và chuyên môn của tất cả bệnh viện. Triển khai dịch vụ đăng ký khám bệnh từ xa, bệnh án điện tử, hội chẩn từ xa để nâng cao chất lượng dịch vụ và tiện ích cho người bệnh; phân mềm quản lý các tiêu chí chất lượng bệnh viện (QHSE).

i. Nhóm giải pháp về nghiên cứu, sáng kiến và hợp tác

Để cập nhật kiến thức, đúc rút kinh nghiệm thực tiễn và tranh thủ các nguồn lực ngoài ngân sách, cần triển khai mạnh mẽ các hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.

